

Bài 4

XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI VÀ SỰ VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI

I. XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI

1. Sự hình thành và đặc điểm của xã hội loài người

Tự nhiên, theo nghĩa rộng, là toàn bộ thế giới vật chất tồn tại khách quan. Với nghĩa này thì con người và xã hội loài người là một bộ phận, hơn nữa, là bộ phận đặc thù của tự nhiên. Con người có nguồn gốc từ tự nhiên, là con đẻ của tự nhiên, là sản phẩm và là sản phẩm cao nhất của quá trình tiến hóa của thế giới vật chất, còn bộ óc người là sản phẩm cao nhất của vật chất¹.

Con người sống trong môi trường tự nhiên như một sinh vật. Chính tự nhiên là tiền đề cho sự tồn tại và sự phát triển của con người. Song, con người chỉ có thể trở thành Con người (*Homo sapiens*) đích thực khi nó được sống trong môi trường xã hội, trong mối quan hệ qua lại giữa người với người, trong môi trường mà ở đó các yếu tố

1. Xem V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.29, tr.175.

xã hội giữ vai trò quyết định. Về bản chất xã hội của con người, con người là tổng hòa những quan hệ xã hội. Mang trong mình bản tính tự nhiên và bản chất xã hội cho nên con người là hiện thân của sự thống nhất giữa xã hội và tự nhiên. Bằng quá trình lao động sản xuất xã hội - một phương thức trao đổi chất đặc thù giữa xã hội và tự nhiên, con người trở thành khâu gắn bó tự nhiên và xã hội. Chính con người đã hợp nhất tự nhiên và xã hội thành một môi trường duy nhất, trong đó con người sống, vận động và thể hiện mình.

Xã hội là hình thái vận động cao nhất của vật chất. Hình thái vận động này lấy mối quan hệ của con người và sự tác động lẫn nhau giữa người với người làm nền tảng. "Xã hội không phải gồm các cá nhân, mà xã hội biểu hiện tổng số những mối liên hệ và những quan hệ của các cá nhân đối với nhau"¹.

2. Quy luật xã hội

Với tư cách vừa là bộ phận đặc thù của tự nhiên, vừa là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa người và người, để tồn tại và phát triển, xã hội vừa phải tuân theo những quy luật của tự nhiên, vừa phải tuân theo những quy luật chỉ vốn có đối với xã hội. Cũng như các quy luật tự nhiên, các quy luật xã hội mang tính khách quan. Song, lịch sử phát triển của xã hội, về căn bản khác với lịch sử phát

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.46, ph.I, tr.355.

triển của tự nhiên ở một điểm: Trong tự nhiên (chừng nào chúng ta không xét đến ảnh hưởng ngược trở lại của con người đối với tự nhiên) chỉ có những nhân tố vô ý thức và mù quáng tác động lẫn nhau, và chính trong sự tác động lẫn nhau ấy mà quy luật chung biểu hiện ra... Trái lại, trong lịch sử xã hội, nhân tố hoạt động hoàn toàn chỉ là những con người có ý thức, hành động có suy nghĩ hay có nhiệt tình và theo đuổi những mục đích nhất định, thì không có gì xảy ra mà lại không có ý thức tự giác, không có mục đích mong muốn.

Quy luật xã hội cũng có những đặc điểm giống quy luật tự nhiên:

- *Tính khách quan.*

Tính khách quan của quy luật xã hội thể hiện ở chỗ, tuy quy luật xã hội được biểu hiện thông qua hoạt động của con người nhưng nó không phụ thuộc vào ý thức, ý chí của bất kỳ một cá nhân hay một lực lượng xã hội nào. Bởi vì, bằng hoạt động thực tiễn con người tạo ra xã hội, làm nên lịch sử; song, những hoạt động của con người được thực hiện trong những điều kiện sinh hoạt vật chất nhất định, trong những mối quan hệ nhất định giữa con người với con người và giữa con người với giới tự nhiên, mà những điều kiện và những mối quan hệ đó là khách quan đối với mỗi thời đại, mỗi dân tộc, mỗi thế hệ, mỗi con người khi họ theo đuổi mục đích của bản thân mình.

Quy luật xã hội thường biểu hiện ra như là những xu hướng, mang *tính xu hướng*. Những mối quan hệ và sự tác

động lẫn nhau vô cùng phức tạp giữa người và người đã tạo ra những hoạt động khác nhau trong xã hội. Tổng hợp những lực tác động lẫn nhau đó tạo thành xu hướng vận động của lịch sử, trong đó lực hoạt động của khối đông người chiếm ưu thế. Điều đó có nghĩa là, mặc dù hoạt động của con người trong xã hội biểu thị cho rất nhiều ý muốn, nhiều mục đích của nhiều con người khác nhau, những ý muốn và mục đích đó luôn chồng chéo nhau, thậm chí đối lập nhau, mâu thuẫn nhau, nhưng quy luật xã hội chỉ phản ánh những ý muốn, những mục đích của khối đông người, phù hợp với xu hướng vận động và phát triển của lịch sử. Xu hướng này là khách quan, không có một thế lực nào có thể điều khiển được.

- Tính tất yếu và tính phổ biến.

Đây cũng là những đặc trưng rất quan trọng của quy luật xã hội. Những mối quan hệ của con người trong xã hội được hình thành một cách tất yếu và phổ biến, nhằm thỏa mãn nhu cầu sống của con người, nhu cầu tồn tại và phát triển của xã hội.

- Tồn tại và tác động trong những điều kiện nhất định.

Khi những điều kiện tồn tại tất yếu của quy luật xã hội bị xóa bỏ, thì quy luật cũng không còn tồn tại. Chẳng hạn, đấu tranh giai cấp là một trong những động lực của lịch sử, là quy luật của các xã hội có sự đối kháng giai cấp. Quy luật đấu tranh giai cấp đó sẽ chấm dứt hoạt động khi xã hội chấm dứt hoàn toàn sự phân chia thành những giai cấp đối kháng.

Ngoài những đặc trưng của quy luật nói chung, quy luật xã hội còn những đặc điểm riêng:

- *Quy luật xã hội tác động thông qua ý thức của con người, do đó phụ thuộc rất lớn vào nhận thức của con người về nó.*

Đặc điểm này cho thấy sự khác biệt lớn của quy luật xã hội trong điều kiện tự phát và trong điều kiện tự giác. Do đó, khi vận dụng quy luật xã hội cần tính đến mức độ nhận thức của xã hội về quy luật đó.

- *Lợi ích là một yếu tố quan trọng trong cơ chế hoạt động của quy luật xã hội.*

Sự tác động của quy luật xã hội diễn ra thông qua hoạt động của con người. Động lực cơ bản thúc đẩy con người hoạt động trong mọi thời đại, mọi xã hội là lợi ích của chủ thể hoạt động. Do vậy, *lợi ích trở thành một yếu tố quan trọng trong cơ chế hoạt động của quy luật xã hội.* Vì vậy, trong vận dụng quy luật xã hội cần chú ý đến phân tích về lợi ích.

Điều này không làm mất đi tính khách quan vốn có của quy luật xã hội, bởi vì, tuy hoạt động của con người bao giờ cũng nhằm theo đuổi những lợi ích và mục đích khác nhau, nhưng kết quả tác động của quy luật xã hội lại không phụ thuộc vào ý muốn của từng cá nhân mà hướng đến ý muốn ưu trội của khối đông người đó.

- *Phương pháp nhận thức quy luật xã hội rất khác so với phương pháp nhận thức các quy luật tự nhiên.*

Ví dụ, một đặc điểm trong phương pháp nhận thức quy luật xã hội là tính *khái quát hóa và trừu tượng hóa* rất

cao. Sự biểu hiện và tác động của quy luật xã hội thường diễn ra trong một thời gian rất lâu, có khi là trong suốt quá trình lịch sử, do đó không thể dùng thực nghiệm để kiểm tra như những quỹ luật của tự nhiên, cũng không thể dùng lối suy diễn logic một cách đơn thuần. Đúng như C.Mác viết: "... khi phân tích những hình thái kinh tế, người ta không thể dùng kính hiển vi hay những chất phản ứng hóa học được. Sức trừu tượng hóa phải thay thế cho cả hai cái đó"¹.

Để nhận thức các quy luật xã hội cần phải nghiên cứu những nguyên nhân thúc đẩy sự vận động và phát triển của xã hội. Quy luật xã hội là quy luật hoạt động của con người. Nguyên nhân thúc đẩy hoạt động của con người là một chuỗi nhân quả xã hội: Hoàn cảnh bên ngoài (bao gồm những điều kiện khách quan, quan trọng nhất là điều kiện kinh tế) - Nhu cầu - Lợi ích - Mục đích (động cơ tư tưởng) - Hoạt động thực hiện mục đích. Trong chuỗi nhân quả xã hội của hoạt động này, nhu cầu và lợi ích giữ vai trò rất quan trọng - đó là khâu đầu tiên phản ánh và chuyển hóa những yêu cầu khách quan bên ngoài thành hành động tư tưởng bên trong thúc đẩy con người hoạt động. Vì vậy, nhu cầu và lợi ích là nguồn gốc, là động cơ trực tiếp thúc đẩy con người hoạt động và do đó cũng là nguyên nhân thúc đẩy sự vận động và phát triển của xã hội.

Quy luật xã hội là quy luật hoạt động của loài người trong quá trình làm nên lịch sử. Con người không chỉ tồn

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.23, tr.16.

tại trong môi trường xã hội, mà còn tồn tại trong môi trường tự nhiên, do vậy, hoạt động của con người không chỉ tuân theo những quy luật xã hội mà còn phụ thuộc vào những quy luật của tự nhiên. Quy luật xã hội và quy luật tự nhiên gắn bó chặt chẽ với nhau trong hoạt động của con người. Để đạt được sự phát triển lâu bền của xã hội, *một mặt*, con người phải tôn trọng và tuân theo những quy luật xã hội; *mặt khác*, cũng phải tuân theo những quy luật của tự nhiên, có như vậy mới bảo đảm được những cơ sở tự nhiên cho sự tồn tại và phát triển của xã hội.

Tự do là sản phẩm của sự phát triển lịch sử. Ở giai đoạn sơ khai của lịch sử, con người là nô lệ của tính mù quáng ngự trị trong giới tự nhiên. Khi xuất hiện chế độ tư hữu, hình thành xã hội có giai cấp, thì đồng thời với sự lệ thuộc vào giới tự nhiên, con người còn chịu thêm sự ràng buộc của các quan hệ xã hội, trước hết là quan hệ sản xuất. Quá trình phát triển của xã hội cũng là quá trình con người từng bước vươn tới tự do. Đến xã hội cộng sản chủ nghĩa, mà xã hội xã hội chủ nghĩa là giai đoạn đầu, con người được giải phóng khỏi mọi áp bức, bóc lột, con người mới thật sự làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội và làm chủ bản thân, trở thành con người thực sự tự do.

II. CÁC LĨNH VỰC VÀ TỔ CHỨC CƠ BẢN CỦA XÃ HỘI

1. Sản xuất vật chất và phương thức sản xuất

Sản xuất là hoạt động đặc trưng riêng có của con người và của xã hội loài người. Đó là quá trình hoạt động có mục

đích và không ngừng sáng tạo của con người. Theo Ph.Ăngghen: "Điểm khác biệt căn bản giữa xã hội loài người với xã hội loài vật là ở chỗ: loài vật may lắm chỉ *hái lượm*, trong khi con người lại *sản xuất*"¹.

Sự sản xuất xã hội bao gồm sản xuất vật chất, sản xuất tinh thần và sản xuất ra bản thân con người. Ba quá trình này không tách biệt với nhau, trong đó sản xuất vật chất giữ vai trò là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội, và xét đến cùng quyết định toàn bộ sự vận động của đời sống xã hội.

Sản xuất vật chất là quá trình con người sử dụng công cụ lao động tác động (trực tiếp hoặc gián tiếp) vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên để tạo ra của cải xã hội, nhằm thỏa mãn nhu cầu tồn tại và phát triển - nhu cầu phong phú và vô tận của con người.

Hoạt động sản xuất vật chất tạo ra tư liệu sinh hoạt nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của con người nói chung cũng như từng cá thể con người nói riêng. Tuy nhiên, ngoài chức năng đầu tiên và trực tiếp đó "lao động còn là một cái gì vô cùng lớn lao hơn thế nữa"². Bằng việc "Sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình, như thế con người đã gián tiếp sản xuất ra chính đời sống vật chất của mình"³. *Chính là nhờ sự sản xuất ra của cải vật*

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.34, tr.241.

2. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.641.

3. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.29.

chất để duy trì sự tồn tại và phát triển của mình, con người đồng thời sáng tạo ra toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của xã hội với tất cả sự phong phú và phức tạp của nó.

Ở các giai đoạn khác nhau của lịch sử, con người có các cách thức khác nhau để tiến hành quá trình sản xuất vật chất. Cách thức đó gọi là phương thức sản xuất.

Phương thức sản xuất biểu thị cách thức con người thực hiện quá trình sản xuất vật chất ở những giai đoạn lịch sử nhất định của xã hội loài người. Với một cách thức nhất định của sự sản xuất xã hội, trong đời sống xã hội xuất hiện những tính chất, kết cấu và đặc điểm tương ứng về mặt xã hội.

Phương thức sản xuất, cách thức mà con người ta tiến hành sản xuất *chính là sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất ở một trình độ nhất định và quan hệ sản xuất tương ứng.*

- Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Nghĩa là, trong quá trình thực hiện sự sản xuất xã hội, con người chinh phục giới tự nhiên bằng tổng hợp các sức mạnh hiện thực của mình. Lực lượng sản xuất nói lên năng lực thực tế của con người trong quá trình sản xuất tạo ra của cải xã hội. Lực lượng sản xuất bao gồm người lao động với kỹ năng lao động của họ và tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động. Trong quá trình sản xuất, lao động của con người và tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động kết hợp với nhau tạo thành lực lượng sản xuất.

Cùng với con người - người lao động, công cụ lao động cũng là một thành tố cơ bản của lực lượng sản xuất. Công cụ lao động, theo Ph.Ăngghen là "khí quan của bộ óc con người", là "sức mạnh của tri thức đã được vật thể hóa" có tác dụng "nối dài bàn tay" và nâng lên sức mạnh trí tuệ con người. Bởi vậy, khi công cụ lao động đã đạt tới trình độ được tin học hóa, được tự động hóa... thì vai trò, "khí quan vật chất" của nó trở nên hết sức kỳ diệu. Trong mọi thời đại, công cụ sản xuất luôn là yếu tố *động nhất* của lực lượng sản xuất, biểu hiện năng lực thực tiễn của con người ngày một tăng thêm. Chính sự chuyển đổi, cải tiến và hoàn thiện không ngừng của nó đã gây ra những biến đổi sâu sắc trong toàn bộ tư liệu sản xuất.

- Sở dĩ quá trình sản xuất xã hội có thể diễn ra một cách bình thường, chính là vì trong sự sản xuất đó, mối quan hệ giữa con người với con người tồn tại *thống nhất* với mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên. Trong sản xuất, mối quan hệ giữa con người với tự nhiên thể hiện thành những trình độ khác nhau của lực lượng sản xuất. Tuy nhiên, mối quan hệ đó được xây dựng trong và thông qua những quan hệ khác nhau giữa người với người, tức là những quan hệ sản xuất.

Như vậy, trong sự sản xuất ra đời sống xã hội của mình, con người, dù muốn hay không cũng buộc phải duy trì và thực hiện những quan hệ nhất định với nhau. Những quan hệ này mang tính tất yếu và không phụ thuộc vào ý muốn của ai cả. Đó chính là những quan hệ sản

xuất¹. Cố nhiên, quan hệ sản xuất là do con người tạo ra, song nó tuân theo những quy luật tất yếu, khách quan của sự vận động của đời sống xã hội.

Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất (sản xuất và tái sản xuất xã hội), bao gồm: 1) Các quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất; 2) Các quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất; 3) Các quan hệ trong phân phối sản phẩm lao động.

Với tính cách là những quan hệ kinh tế khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn của con người, quan hệ sản xuất là những quan hệ mang tính vật chất thuộc đời sống xã hội. Quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của lực lượng sản xuất và là cơ sở sâu xa của đời sống tinh thần xã hội. Ba mặt quan hệ đó trong quá trình sản xuất xã hội luôn luôn gắn bó với nhau, tạo thành *một hệ thống mang tính ổn định tương đối* so với sự vận động không ngừng của lực lượng sản xuất. Các quan hệ sản xuất của một phương thức sản xuất là một hệ thống bao gồm nhiều mối quan hệ phong phú và đa dạng biểu hiện dưới nhiều hình thức. Mỗi mặt quan hệ của hệ thống quan hệ sản xuất có vai trò và ý nghĩa riêng biệt, xác định, khi nó tác động tới nền sản xuất xã hội nói riêng và tới toàn bộ tiến trình lịch sử nói chung.

Sự tác động lẫn nhau giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất biểu hiện mỗi quan hệ mang tính chất biện

1. Xem C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.14-15.

chứng. Quan hệ này biểu hiện thành quy luật cơ bản nhất của sự vận động của đời sống xã hội - *quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*.

Khuynh hướng của sản xuất xã hội là không ngừng biến đổi theo chiều tiến bộ. Sự biến đổi đó, xét cho cùng, bao giờ cũng bắt đầu từ sự biến đổi và phát triển của lực lượng sản xuất, trước hết là của công cụ lao động. Do vậy, lực lượng sản xuất là yếu tố có tác dụng quyết định đối với sự biến đổi của phương thức sản xuất: Trình độ của lực lượng sản xuất trong từng giai đoạn của lịch sử loài người thể hiện trình độ chinh phục tự nhiên của con người trong giai đoạn lịch sử đó. Khái niệm *trình độ của lực lượng sản xuất* nói lên khả năng của con người thông qua việc sử dụng công cụ lao động thực hiện quá trình cải biến giới tự nhiên nhằm bảo đảm cho sự sinh tồn và phát triển của mình. Trình độ lực lượng sản xuất thể hiện ở: 1) Trình độ của công cụ lao động; 2) Trình độ tổ chức lao động xã hội; 3) Trình độ ứng dụng khoa học vào sản xuất; 4) Kinh nghiệm và kỹ năng lao động của con người; 5) Trình độ phân công lao động.

Bên cạnh khái niệm trình độ của lực lượng sản xuất, còn có khái niệm *tính chất của lực lượng sản xuất*. Chính Ph.Ăngghen đã sử dụng khái niệm này để phân tích lực lượng sản xuất trong các phương thức sản xuất khác nhau. Khi nền sản xuất được thực hiện với những công cụ ở trình độ thủ công, lực lượng sản xuất chủ yếu là mang

tính chất cá nhân. Khi sản xuất đạt tới trình độ cơ khí hóa, lực lượng sản xuất đòi hỏi phải được vận động trong sự hợp tác xã hội rộng rãi trên cơ sở chuyên môn hóa. Tính chất tự cấp, tự túc, cô lập của nền sản xuất nhỏ lúc đó phải được thay thế bởi tính chất xã hội hóa. Trên thực tế, tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất không tách biệt với nhau.

Sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là một trạng thái mà trong đó quan hệ sản xuất là "hình thức phát triển" tất yếu của lực lượng sản xuất. Nghĩa là trạng thái mà ở đó các yếu tố cấu thành quan hệ sản xuất "tạo địa bàn đầy đủ" cho lực lượng sản xuất phát triển¹.

Như vậy, trong trạng thái phù hợp, cả ba mặt của quan hệ sản xuất đạt tới thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, tạo điều kiện tối ưu cho việc sử dụng và kết hợp giữa lao động và tư liệu sản xuất. Với trạng thái phù hợp như vậy, lực lượng sản xuất sẽ có cơ sở để phát triển hết khả năng của nó.

Trạng thái mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất sẽ xuất hiện, thay thế cho trạng thái phù hợp, khi tới một giai đoạn nào đó, lực lượng sản xuất phát triển chuyển sang một trình độ mới với tính chất xã hội hóa ở mức cao hơn. Lúc đó tình trạng phù hợp sẽ bị phá vỡ. Mâu thuẫn sẽ ngày càng gay gắt và đến một lúc

1. Xem C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.15.

nào đó quan hệ sản xuất "trở thành xiềng xích của lực lượng sản xuất". Sự phát triển khách quan của lực lượng sản xuất tất yếu dẫn đến việc xã hội phải xóa bỏ bằng cách này hay cách khác quan hệ sản xuất cũ và thay thế nó bằng một kiểu quan hệ sản xuất mới, phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất đã thay đổi, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển. Việc xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ, thay thế nó bằng quan hệ sản xuất mới cũng có nghĩa là sự diệt vong của cả một phương thức sản xuất lỗi thời và sự ra đời của một phương thức sản xuất mới. C.Mác đã nhận định: "Tới một giai đoạn phát triển nào đó của chúng, các lực lượng sản xuất vật chất của xã hội mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất hiện có,... trong đó từ trước đến nay các lực lượng sản xuất vẫn phát triển. Từ chỗ là những hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành những xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội"¹. Đó là nội dung quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất.

Lực lượng sản xuất có vai trò quyết định đối với quan hệ sản xuất, song quan hệ sản xuất bao giờ cũng thể hiện tính độc lập tương đối với lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất tác động trở lại lực lượng sản xuất, quy định mục đích xã hội của sản xuất, tác động đến khuynh hướng phát

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.15.

triển của công nghệ, từ đó hình thành một hệ thống những yếu tố hoặc thúc đẩy, hoặc kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là quy luật phổ biến tác động trong toàn bộ tiến trình lịch sử nhân loại. Sự thay thế, phát triển đi lên của lịch sử xã hội loài người từ chế độ công xã nguyên thủy qua chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản chủ nghĩa và đến xã hội cộng sản tương lai là do sự tác động của hệ thống các quy luật xã hội, trong đó quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là quy luật cơ bản nhất.

2. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

Mỗi xã hội trong lịch sử có một kiểu những quan hệ vật chất cơ bản nhất ứng với những lực lượng sản xuất nhất định, đó là những quan hệ sản xuất. Phù hợp với kiểu quan hệ sản xuất đó là một hệ thống những quan hệ về chính trị, pháp quyền, đạo đức, nghệ thuật, v.v.. Những quan hệ chính trị, tinh thần này được thể hiện thông qua những thiết chế xã hội tương ứng như nhà nước, đảng phái, tòa án, giáo hội và các tổ chức xã hội khác, v.v.. Sự liên hệ và tác động lẫn nhau giữa những quan hệ kinh tế của xã hội và các quan hệ chính trị tinh thần hình thành trên các quan hệ kinh tế đó được phản ánh trong các phạm trù *cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng*, trong nguyên lý về quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.

Toàn bộ những quan hệ sản xuất xã hội, mà trước hết và chủ yếu là những quan hệ sản xuất thống trị, tức những quan hệ sản xuất đặc trưng cho mỗi phương thức sản xuất và tất cả những quan hệ sản xuất khác tồn tại hiện thực trong mỗi phương thức sản xuất "hợp thành" cơ sở kinh tế của xã hội. Khái niệm *cơ sở hạ tầng* dùng để chỉ toàn bộ *những quan hệ sản xuất của một xã hội* trong sự vận động hiện thực của chúng *hợp thành cơ sở kinh tế của xã hội đó*.

Kể từ thời cổ đại cho đến nay, trong bất cứ xã hội nào, bên cạnh những quan hệ sản xuất thống trị thường vẫn còn tàn dư của những quan hệ sản xuất của xã hội cũ và cả mầm mống của những quan hệ kinh tế - xã hội của tương lai. Cho nên, cơ sở hạ tầng của một xã hội cụ thể được đặc trưng trước hết bởi kiểu quan hệ sản xuất thống trị tiêu biểu cho xã hội ấy. Tuy nhiên, những quan hệ sản xuất quá độ (tàn dư của những quan hệ cũ, mầm mống của những quan hệ mới và những kiểu quan hệ kinh tế khác có thể có) cũng có vai trò nhất định. Điều cần chú ý là ở chỗ, trong hệ thống cơ cấu kinh tế đó, cái giữ địa vị chi phối, có vai trò chủ đạo và tác dụng quyết định đối với toàn bộ cơ sở hạ tầng là kiểu quan hệ sản xuất thống trị. Tư tưởng thống trị của mỗi xã hội bao giờ cũng là tư tưởng của giai cấp thống trị.

Như vậy, quan hệ sản xuất, xét trong nội bộ phương thức sản xuất, là hình thức phát triển của lực lượng sản xuất; mặt khác, xét trong tổng thể các quan hệ xã hội thì

các quan hệ sản xuất "hợp thành" cơ sở kinh tế của xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực, trên đó người ta dựng nên kiến trúc thượng tầng tương ứng với cơ sở thực tại đó.

Toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật... cùng với những thiết chế xã hội tương ứng của chúng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể xã hội... là cái được hình thành, được xây dựng trên nền tảng của những cơ sở hạ tầng nhất định, hợp thành *kiến trúc thượng tầng xã hội*.

Quan hệ kinh tế, quan hệ sản xuất là những quan hệ xã hội cơ bản quyết định mọi quan hệ về chính trị, pháp luật và tư tưởng... Giai cấp nào chiếm địa vị thống trị về kinh tế thì cũng chiếm địa vị thống trị trong đời sống tinh thần xã hội. Mâu thuẫn trong đời sống kinh tế, xét đến cùng, quyết định mâu thuẫn trong lĩnh vực tư tưởng; cuộc đấu tranh giai cấp trong lĩnh vực chính trị tư tưởng là biểu hiện của những đối kháng trong đời sống kinh tế.

Bộ mặt kiến trúc thượng tầng trong đời sống xã hội luôn được biểu hiện ra một cách phong phú, phức tạp và đôi khi dường như không trực tiếp gắn với cơ sở hạ tầng. Đó chỉ là biểu hiện bề ngoài, còn trong thực tế, ngay cả những hiện tượng lạ lùng nhất của kiến trúc thượng tầng cũng đều có nguyên nhân sâu xa nằm ở các cơ sở kinh tế.

Cơ sở hạ tầng chỉ sản sinh kiến trúc thượng tầng tương ứng, quy định tính chất kiến trúc thượng tầng. Giai cấp nào giữ địa vị thống trị xã hội về mặt kinh tế thì nó cũng chiếm địa vị thống trị trong kiến trúc thượng tầng xã hội.

Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng còn thể hiện ở chỗ, nếu cơ sở hạ tầng thay đổi thì sớm hay muộn sự thay đổi của kiến trúc thượng tầng cũng sẽ diễn ra. Quá trình đó thực hiện không chỉ trong giai đoạn chuyển tiếp có tính chất cách mạng - xã hội này sang xã hội khác, mà còn được thực hiện ngay trong bản thân mỗi hình thái xã hội.

Sự biến đổi của cơ sở hạ tầng dẫn đến biến đổi của kiến trúc thượng tầng là cả một quá trình diễn ra hết sức phức tạp. Nguyên nhân của quá trình đó xét cho cùng là do sự phát triển của lực lượng sản xuất. Tuy nhiên, sự phát triển của lực lượng sản xuất chỉ trực tiếp gây ra sự biến đổi của cơ sở hạ tầng, còn chính sự biến đổi của cơ sở hạ tầng, đến lượt nó mới làm cho kiến trúc thượng tầng biến đổi một cách căn bản.

Tuy cơ sở hạ tầng có vai trò quyết định đối với kiến trúc thượng tầng, song cũng cần chú ý tính độc lập tương đối và sự tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng. Toàn bộ kiến trúc thượng tầng cũng như các yếu tố và các lĩnh vực của nó có tính độc lập tương đối. Sự phụ thuộc của chúng vào cơ sở hạ tầng thường không trực tiếp và không giản đơn, kiến trúc thượng tầng không phải là sản phẩm thụ động của cơ sở hạ tầng, mà chúng có khả năng tác động trở lại rất mạnh mẽ đối với cơ sở kinh tế của xã hội. Bản thân các yếu tố, các bộ phận của kiến trúc thượng tầng có sự tác động qua lại lẫn nhau.

Trong thực tiễn của đời sống xã hội, không phải chỉ nhà nước, pháp luật mới có sự tác động to lớn đến cơ sở hạ

tầng, mà các bộ phận khác của kiến trúc thượng tầng như triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật... cũng đều có khả năng gây ra những biến động không nhỏ tới cơ sở hạ tầng. Những bộ phận đó tác động đến cơ sở hạ tầng bằng nhiều hình thức khác nhau, theo những cơ chế khác nhau. Tác động của kiến trúc thượng tầng sẽ là tích cực khi nó tác động cùng chiều với sự vận động của những quy luật kinh tế khách quan. Trái lại, nếu tác động ngược chiều với những quy luật đó thì nó sẽ là trở lực, gây tác hại cho sự phát triển sản xuất, cản đường phát triển của xã hội.

Tất nhiên, trong mỗi chế độ xã hội, sự vận động của các bộ phận của kiến trúc thượng tầng không phải bao giờ cũng đi theo cùng một xu hướng. Đôi khi, trong kiến trúc thượng tầng cũng nảy sinh tình trạng không đồng bộ giữa các bộ phận của nó, khả năng mâu thuẫn với nhau, chống đối lẫn nhau giữa các bộ phận đó. Chức năng xã hội cơ bản của kiến trúc thượng tầng thống trị là xây dựng, bảo vệ và phát triển cơ sở hạ tầng hiện tồn, chống lại những nguy cơ làm suy yếu hoặc phá hoại sự tồn tại của chế độ kinh tế - xã hội đang tồn tại. Trong việc thực hiện chức năng đó, nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng, nó chi phối và trong nhiều trường hợp, quyết định khả năng tác động của các bộ phận khác của kiến trúc thượng tầng đến toàn bộ đời sống xã hội nói chung và đến hạ tầng cơ sở nói riêng.

Sự tác động mạnh mẽ của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng là điều không thể nghi ngờ. Tuy nhiên, nếu quá nhấn mạnh vai trò của sự tác động ấy đến mức

phủ nhận tác động quyết định của những quy luật kinh tế khách quan, phủ nhận tính tất yếu của vận động xã hội thì sẽ không tránh khỏi rơi vào sai lầm.

3. Giai cấp, nhà nước và cách mạng xã hội

Trong xã hội nguyên thủy, khi lực lượng sản xuất còn thấp kém, với công cụ bằng đá, gậy gộc, cung tên, v.v., con người làm ra sản phẩm chỉ đủ để tồn tại, duy trì nòi giống, chưa có sản phẩm dư thừa tương đối thì *chưa có khả năng* xuất hiện chế độ người bóc lột người, chưa thể có giai cấp.

Cuối thời đại thị tộc - bộ lạc, trong nội bộ các cộng đồng người dần dần hình thành các giai cấp.

Giai cấp là "những tập đoàn to lớn gồm những người khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, khác nhau về quan hệ của họ (thường thường thì những quan hệ này được pháp luật quy định và thừa nhận) đối với những tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội, và như vậy là khác nhau về cách thức hưởng thụ và về phần của cải xã hội ít hoặc nhiều mà họ được hưởng. Giai cấp là những tập đoàn người, mà tập đoàn này thì có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác, do chỗ các tập đoàn đó có địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế xã hội nhất định"¹.

Giai cấp không phải là phạm trù xã hội thông thường mà là *phạm trù kinh tế - xã hội có tính lịch sử*. Giai cấp

1. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.39, tr.17-18.

không phải là sản phẩm của sản xuất nói chung mà là sản phẩm của những hệ thống sản xuất xã hội *nhất định* trong lịch sử. Mỗi hệ thống giai cấp tương ứng với một hệ thống sản xuất xã hội, về bản chất, là thể thống nhất của các mặt đối lập.

Mỗi kiểu xã hội có *kết cấu xã hội - giai cấp* của nó. Mỗi kết cấu xã hội - giai cấp của một xã hội nhất định gồm *hai giai cấp cơ bản* đối lập nhau. Đó là chủ nô và nô lệ trong chế độ nô lệ, địa chủ và nông nô trong chế độ phong kiến, tư sản và vô sản trong chế độ tư bản chủ nghĩa. Hai giai cấp cơ bản của mỗi chế độ kinh tế - xã hội là sản phẩm đích thực của chế độ kinh tế - xã hội đó, đồng thời là những giai cấp quyết định sự tồn tại, sự phát triển của hệ thống sản xuất trong xã hội đó. Giai cấp thống trị là giai cấp tiêu biểu cho bản chất của chế độ kinh tế - xã hội đang tồn tại. Ngoài hai giai cấp cơ bản, mỗi kết cấu xã hội - giai cấp còn bao gồm một số *giai cấp không cơ bản và tầng lớp trung gian*. Trong những tập đoàn xã hội này có tập đoàn là *tàn dư* của phương thức sản xuất cũ (như nô lệ trong buổi đầu của xã hội phong kiến, địa chủ và nông nô trong buổi đầu của xã hội tư bản), có tập đoàn là *mầm mống* của phương thức sản xuất tương lai (như giai cấp tư sản và giai cấp công nhân công trường thủ công trong giai đoạn cuối của xã hội phong kiến). Ngoài ra, bất cứ xã hội có giai cấp nào cũng có một số *tầng lớp* trung gian là sản phẩm của chính phương thức sản xuất đang thống trị, là kết quả của quá trình phân hóa xã hội không ngừng diễn ra trong

xã hội, đó là tầng lớp bình dân trong xã hội nô lệ, các tầng lớp tiểu tư sản thành thị và nông thôn trong xã hội tư bản. Xã hội có giai cấp nào cũng tồn tại một tầng lớp xã hội có vai trò quan trọng về kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa, đó là tầng lớp trí thức.

Trong xã hội có giai cấp, giai cấp thống trị chiếm đoạt lao động của các giai cấp và tầng lớp bị trị, chiếm đoạt của cải xã hội vào tay mình. Các giai cấp, tầng lớp bị trị không những bị chiếm đoạt kết quả lao động mà họ còn bị áp bức về chính trị, xã hội và tinh thần. Không có sự bình đẳng giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị, chẳng hạn giữa giai cấp các nhà tư bản với giai cấp những công nhân làm thuê. Giai cấp bóc lột bao giờ cũng dùng mọi biện pháp và phương tiện bảo vệ địa vị giai cấp của họ, duy trì củng cố chế độ kinh tế - xã hội cho phép họ được hưởng những đặc quyền đặc lợi giai cấp. Công cụ chủ yếu của giai cấp thống trị để bảo vệ đặc quyền đặc lợi của họ là quyền lực nhà nước. Lợi ích cơ bản của giai cấp bị trị đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp thống trị. Đây là đối kháng về quyền lợi giữa những giai cấp áp bức, bóc lột và những giai cấp, tầng lớp bị áp bức, bị bóc lột; đối kháng là nguyên nhân của đấu tranh giai cấp. Có áp bức thì có đấu tranh chống áp bức. Vì vậy, đấu tranh giai cấp không do một lý thuyết xã hội nào tạo ra mà là hiện tượng tất yếu không thể tránh được trong xã hội có áp bức giai cấp.

Các cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử, vào các

giai cấp tham gia đấu tranh và giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh. Trong thời đại ngày nay, hình thức đấu tranh giai cấp càng phong phú, đa dạng và phức tạp. Trong xã hội tư bản mới hình thành, đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân lúc đầu diễn ra dưới hình thức các cuộc đấu tranh riêng lẻ, cục bộ, tự phát; chẳng hạn công nhân một xí nghiệp, một địa phương đấu tranh với giới chủ vì những lợi ích cụ thể, trực tiếp như tăng lương, cải thiện điều kiện lao động. Các cuộc đấu tranh riêng rẽ ấy thường không có hiệu quả do thiếu đoàn kết, thiếu tổ chức.

Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển quan trọng của xã hội có giai cấp. Chính sản xuất vật chất để đáp ứng nhu cầu tồn tại và phát triển của con người và xã hội loài người là *hành động lịch sử đầu tiên* của con người. Tác động biện chứng giữa cải tiến sản xuất với nhu cầu không ngừng tăng lên là động lực phát triển cơ bản, thường xuyên của tất cả mọi xã hội. Sản xuất vật chất bao giờ cũng phát triển trong một quan hệ sản xuất nhất định. Sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là điều kiện cơ bản để sản xuất phát triển thuận lợi, tạo cơ sở cho sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Khi quan hệ sản xuất không còn phù hợp với lực lượng sản xuất, thì nó trở thành xiềng xích của lực lượng sản xuất, dẫn đến những cuộc khủng hoảng phá hoại lực lượng sản xuất. Trong các xã hội có đối kháng giai cấp, những quan hệ sản xuất lỗi thời không tự động nhường chỗ cho quan hệ sản xuất mới. Chúng được giai cấp thống trị bảo vệ

bằng tất cả sức mạnh chính trị, kinh tế và tư tưởng, đặc biệt là bằng bạo lực có tổ chức. Muốn thay đổi quan hệ sản xuất để giải phóng sức sản xuất phải gạt bỏ lực cản lớn lao ấy. Điều đó chỉ có thể thực hiện được qua đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội. Xuất phát từ quan điểm xem sự vận động nội tại của phương thức sản xuất quyết định sự phát triển của toàn bộ lịch sử xã hội, đấu tranh giai cấp mà đỉnh cao là thời kỳ cách mạng, như đòn bẩy để thay đổi hình thái kinh tế - xã hội, do đó "đấu tranh giai cấp" là *động lực trực tiếp* của lịch sử các xã hội có giai cấp.

Trong xã hội có áp bức giai cấp, đấu tranh giai cấp chẳng những cải tạo xã hội mà còn có tác dụng cải tạo bản thân các giai cấp cách mạng và quần chúng lao động. Chỉ qua đấu tranh cho tự do, không cam chịu số phận nô lệ, các giai cấp bị áp bức mới gạt rửa được tinh thần nô lệ và những tập quán xấu do chế độ người áp bức người sản sinh ra.

Đấu tranh giai cấp không chỉ là đòn bẩy của lịch sử trong thời kỳ cách mạng mà còn là động lực phát triển các mặt của đời sống xã hội trong thời kỳ phát triển bình thường trong xã hội có giai cấp. Ngay khi quan hệ sản xuất còn phù hợp với lực lượng sản xuất, đấu tranh giai cấp vẫn có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển mọi mặt. Dưới chế độ tư bản, sức ép của phong trào công nhân là một trong những động lực mạnh mẽ, thường xuyên trực tiếp thúc đẩy giai cấp tư sản đổi mới phương thức quản lý, sử dụng kỹ thuật mới để bảo đảm lợi nhuận của họ. Những thành tựu dân chủ mà giai cấp công nhân, nhân dân lao

động ở các nước tư bản giành được là kết quả của đấu tranh giai cấp dưới nhiều hình thức. Qua trường học đấu tranh bảo vệ quyền lợi của mình, giai cấp công nhân ngày càng trưởng thành về chính trị, tư tưởng và tổ chức, do đó có khả năng thực hiện nhiệm vụ lịch sử của mình.

Vai trò của đấu tranh giai cấp trong lịch sử được phát huy như thế nào tùy thuộc vào tính chất, trình độ phát triển của các cuộc đấu tranh. Tác dụng đặc biệt to lớn đối với lịch sử là những cuộc đấu tranh mang tính chất quần chúng rộng lớn, do lực lượng tiên tiến của xã hội lãnh đạo, được tổ chức một cách khoa học nhằm thực hiện nghĩa vụ lịch sử chín muồi là đánh đổ giai cấp thống trị phản động đang là lực cản lớn đối với sự phát triển xã hội.

Cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp đối kháng lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử xã hội - chủ nô và nô lệ - dẫn tới *nguy cơ chẳng những các giai cấp đó tiêu diệt lẫn nhau mà tiêu diệt luôn cả xã hội*. Để thảm họa đó không diễn ra, một cơ quan quyền lực đặc biệt đã ra đời. Đó là nhà nước.

Như vậy, sự ra đời của nhà nước chứng tỏ rằng nhà nước không phải là cơ quan để điều hòa mâu thuẫn giai cấp. Ngược lại, nó ra đời do *mâu thuẫn giai cấp ngày càng sâu sắc, không thể điều hòa*. Giai cấp bóc lột không thể duy trì địa vị bóc lột, nếu không dựa vào bộ máy bạo lực mà bộ phận chủ yếu của nó là những đội vũ trang đặc biệt dùng để trấn áp giai cấp bị bóc lột. Trong điều kiện đấu tranh giai cấp đã trở nên gay gắt, chế độ nhân dân tự tổ chức thành lực lượng vũ trang không còn thích hợp. Nó

phải được thay thế bằng thiết chế nhà nước. *Nhà nước là tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.*

Thực tế lịch sử mang lại nhiều bằng chứng nói lên rằng, dù được che giấu dưới hình thức tình vi như thế nào, dù có bị khúc xạ qua những lăng kính phức tạp ra sao, nhà nước trong mọi xã hội có giai cấp đối kháng cũng chỉ là công cụ bảo vệ lợi ích cơ bản của giai cấp thống trị. cũng chỉ là một bộ máy trấn áp của một giai cấp này đối với một giai cấp khác, "điều đó, trong chế độ cộng hòa dân chủ cũng hoàn toàn giống như trong chế độ quân chủ"¹.

Bất kỳ nhà nước nào cũng có ba đặc trưng cơ bản sau đây:

- Nhà nước quản lý dân cư trên một vùng lãnh thổ nhất định.
- Nhà nước có một hệ thống các cơ quan quyền lực chuyên nghiệp mang tính cưỡng chế đối với mọi thành viên trong xã hội.
- Hình thành hệ thống thuế khóa để nuôi bộ máy nhà nước.

Do những nguyên nhân gì và bằng cách nào mà một kiểu nhà nước này được thay thế bằng một kiểu nhà nước khác? Đó là do cách mạng xã hội.

Theo nghĩa rộng, *cách mạng xã hội* là sự biến đổi có tính bước ngoặt và căn bản về chất trong toàn bộ các lĩnh

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.22, tr.291.

vực của đời sống xã hội, là phương thức chuyển từ một hình thái kinh tế - xã hội lỗi thời lên một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn.

Theo nghĩa hẹp, *cách mạng xã hội* là việc lật đổ một chế độ chính trị đã lỗi thời, thiết lập một chế độ chính trị tiến bộ hơn.

Dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp, giành lấy chính quyền vẫn là vấn đề cơ bản của cách mạng xã hội. Bởi vì, chỉ nhờ đó, giai cấp cách mạng mới xác lập được nền chuyên chính của mình, tiến tới bảo đảm được quyền lực của mình trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Nguyên nhân sâu xa của cách mạng xã hội là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, quan hệ sản xuất lỗi thời đã trở thành lực cản đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất nói riêng, của xã hội nói chung. "Từ chỗ là những hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành những xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội"¹.

Nhân tố cơ bản cấu thành lực lượng sản xuất là người lao động. Trong xã hội có giai cấp, lực lượng xã hội đại diện cho quan hệ sản xuất cơ bản là giai cấp thống trị. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, do đó, biểu hiện về mặt xã hội thành mâu thuẫn giữa giai cấp thống trị và người lao động. Giai cấp thống trị dùng mọi

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.15.

công cụ nhà nước có trong tay để đàn áp cuộc đấu tranh của giai cấp bị bóc lột nhằm duy trì quan hệ sản xuất lỗi thời đó. Để thay thế quan hệ sản xuất cũ bằng quan hệ sản xuất mới cao hơn, làm cho nó trở thành quan hệ sản xuất thống trị, để giải phóng mình, giai cấp cách mạng phải giành lấy chính quyền nhà nước. Do vậy, cách mạng xã hội là đỉnh cao của đấu tranh giai cấp; vấn đề chính quyền nhà nước trở thành vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội.

Tiến hóa xã hội cũng là hình thức phát triển của xã hội. Nhưng, khác với cách mạng xã hội, nó là quá trình phát triển diễn ra một cách tuần tự, dần dần với những biến đổi cục bộ của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

Tiến hóa xã hội và cách mạng xã hội là những phương thức khác nhau nhưng có liên hệ mật thiết với nhau trong quá trình phát triển xã hội. Sự phát triển xã hội bao giờ cũng là sự thống nhất giữa tiến hóa xã hội và cách mạng xã hội. Không có quá trình tiến hóa xã hội thì không thể có cách mạng xã hội. Cách mạng xã hội chỉ trở thành cái tất yếu lịch sử, khi những tiền đề của nó đã được tạo ra nhờ tiến hóa xã hội. Ngược lại, không có cách mạng xã hội thì không có tiến hóa xã hội như là những quá trình kế tiếp nhau không ngừng trong sự phát triển xã hội từ chế độ này lên một chế độ khác, cao hơn. Chỉ có cách mạng xã hội mới mở đường cho quá trình tiến hóa xã hội đạt tới giai đoạn như vậy.

Giống như cách mạng xã hội, *cải cách xã hội* cũng tạo nên sự thay đổi về chất nhất định trong đời sống xã hội,

nhưng có sự khác nhau về nguyên tắc ở chỗ, cải cách xã hội chỉ tạo nên những biến đổi riêng lẻ, bộ phận trong khuôn khổ chế độ xã hội đang tồn tại. "Nhưng sự đối lập đó không phải là tuyệt đối, cái ranh giới đó không phải là cứng nhắc, đó là một ranh giới sinh động, linh hoạt mà ta phải biết xác định theo từng trường hợp cụ thể"¹. Những cải cách xã hội thúc đẩy quá trình tiến hóa tạo tiền đề dẫn tới cách mạng xã hội.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, trong các chế độ xã hội có đối kháng giai cấp, phần lớn những cải cách xã hội là kết quả của phong trào đấu tranh của các lực lượng xã hội tiến bộ, và trong những hoàn cảnh nhất định, chúng trở thành những bộ phận hợp thành của cách mạng xã hội.

Cũng cần phân biệt cách mạng xã hội với *đảo chính*. Đảo chính là thủ đoạn giành quyền lực nhà nước bởi một cá nhân hoặc một nhóm người nhằm xác lập một chế độ xã hội có cùng bản chất (có thể tiến bộ hay thoái bộ hơn). Nó không phải là phong trào cách mạng của quần chúng. Trong lịch sử, những cuộc đảo chính quân sự thường do giới bảo thủ hoặc phản động trong bộ máy nhà nước tiến hành để lật đổ những người cầm quyền không thỏa mãn yêu cầu của họ. Những cuộc đảo chính được sắp đặt bởi chủ nghĩa đế quốc đều mang tính chất phản cách mạng. Cuộc đảo chính chỉ mang ý nghĩa cách mạng, khi nó hòa nhập được với phong trào cách mạng trong xã hội.

1. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.199.

Tính chất của một cuộc cách mạng xã hội được xác định bởi nhiệm vụ giải quyết mâu thuẫn kinh tế (mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất) và mâu thuẫn xã hội (giữa giai cấp bị bóc lột và giai cấp bóc lột) tương ứng.

Tính chất và nhiệm vụ cách mạng quy định thành phần lực lượng cách mạng và lực lượng xã hội lãnh đạo cuộc cách mạng đó. Tuy nhiên, có thể có những cuộc cách mạng xã hội mang cùng một nội dung cơ bản, nhưng lại được thực hiện bởi các lực lượng cách mạng khác nhau và dưới sự lãnh đạo của các lực lượng xã hội khác nhau. Điều đó tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử - cụ thể của mỗi cuộc cách mạng và các giai đoạn khác nhau của quá trình cách mạng.

Các cuộc cách mạng xã hội có vai trò to lớn trong đời sống xã hội. Chỉ nhờ cải tạo căn bản, mang tính cách mạng mới có thể thủ tiêu chế độ xã hội cũ, thiết lập chế độ mới cao hơn. Chỉ nhờ cách mạng xã hội, các quan hệ sản xuất lỗi thời và những giai cấp đại diện cho các quan hệ sản xuất đó - các giai cấp phản động cũ - đang cản trở con đường tiến bộ xã hội mới bị thủ tiêu.

III. HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Khái niệm về hình thái kinh tế - xã hội

Hình thái kinh tế - xã hội là một phạm trù dùng để chỉ xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, với một kiểu

quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất và với một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy.

Hình thái kinh tế - xã hội là một hệ thống hoàn chỉnh, có cấu trúc phức tạp, trong đó có các mặt cơ bản là lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Mỗi mặt của hình thái kinh tế - xã hội có vị trí riêng và tác động qua lại lẫn nhau, thống nhất với nhau.

Cấu trúc cơ bản của hình thái kinh tế - xã hội bao gồm:

- *Lực lượng sản xuất*: Là nền tảng vật chất - kỹ thuật của mỗi hình thái kinh tế - xã hội. Hình thái kinh tế - xã hội khác nhau có lực lượng sản xuất khác nhau. Sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định sự hình thành, phát triển và thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội.

- *Quan hệ sản xuất*: Tạo thành cơ sở hạ tầng của xã hội và quyết định tất cả mọi quan hệ xã hội khác. Mỗi hình thái kinh tế - xã hội có một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng. Quan hệ sản xuất là tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các chế độ xã hội.

Tổng hợp lại những quan hệ sản xuất cấu thành cái mà người ta gọi là những quan hệ xã hội, cái gọi là xã hội mà lại là một xã hội ở một giai đoạn phát triển lịch sử nhất định, một xã hội có tính chất độc đáo, riêng biệt. Xã hội cổ đại, xã hội phong kiến, xã hội tư bản đều là những tổng hợp các quan hệ sản xuất theo loại đó mà mỗi tổng

thể ấy đồng thời lại tiêu biểu cho một giai đoạn phát triển đặc thù trong lịch sử nhân loại

- *Kiến trúc thượng tầng*: Được hình thành và phát triển phù hợp với cơ sở hạ tầng, nhưng nó lại là công cụ để bảo vệ, duy trì và phát triển cơ sở hạ tầng đã sinh ra nó.

- *Các yếu tố khác*: Ngoài ra, hình thái kinh tế - xã hội còn có quan hệ về gia đình, dân tộc và các quan hệ xã hội khác; các lĩnh vực chính trị, lĩnh vực tư tưởng và lĩnh vực xã hội. Mỗi lĩnh vực của hình thái kinh tế - xã hội vừa tồn tại độc lập với nhau, vừa tác động qua lại, thống nhất với nhau, gắn bó với quan hệ sản xuất và cùng biến đổi với sự biến đổi của quan hệ sản xuất.

Với học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội, C.Mác đã nhìn thấy động lực của lịch sử không phải do một lực lượng thần bí nào, mà chính là hoạt động thực tiễn của con người dưới tác động của các quy luật khách quan.

Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội là biểu hiện tập trung của quan niệm duy vật về lịch sử. Quan niệm ấy chỉ ra rằng, "... trước hết con người cần phải ăn, uống, ở và mặc, nghĩa là phải *lao động*, trước khi có thể đấu tranh để giành quyền thống trị, trước khi có thể hoạt động chính trị, tôn giáo, triết học, v.v."¹. Chừng nào cái *sự thật hiển nhiên đó vẫn tồn tại thì chừng đó quan niệm duy vật về lịch sử vẫn không thể trở nên lạc hậu được*.

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.166.

Động lực của lịch sử nằm ngay trong hoạt động thực tiễn vật chất của con người. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội là quan niệm duy vật biện chứng được cụ thể hóa trong việc xem xét đời sống xã hội.

Trong tất cả mọi quan hệ xã hội, nổi bật là những quan hệ xã hội vật chất, tức là những quan hệ sản xuất, những quan hệ cơ bản, ban đầu và quyết định các quan hệ khác. Do đó, đây là một tiêu chuẩn hoàn toàn khách quan để phát hiện và tìm kiếm quy luật xã hội. Vì vậy, "có thể đem những chế độ của các nước khác nhau khái quát lại thành một khái niệm cơ bản duy nhất là: *hình thái xã hội*. Chỉ có sự khái quát đó mới cho phép chuyển từ việc mô tả (và từ việc đánh giá theo quan điểm lý tưởng) những hiện tượng xã hội sang việc phân tích hiện tượng đó một cách hết sức khoa học".

Học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội là cơ sở phương pháp luận của các khoa học xã hội, là hòn đá tảng cho mọi nghiên cứu về xã hội, và do đó là một trong những nền tảng lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội lần đầu tiên cung cấp những tiêu chuẩn thực sự duy vật, khoa học cho việc phân kỳ lịch sử, giúp con người hiểu được logic khách quan của quá trình tiến hóa xã hội. Học thuyết này vạch ra sự thống nhất của lịch sử trong cái muôn vẻ của các sự kiện ở các nước khác nhau trong các thời kỳ khác nhau. Chính vì thế nó đã đem lại cho khoa học xã hội sợi dây dẫn đường để phát hiện ra những mối quan hệ nhân quả nhằm

giải thích chứ không chỉ mô tả các sự kiện lịch sử. Nó là cơ sở khoa học để tiếp cận đúng đắn khi giải quyết những vấn đề cơ bản của các ngành khoa học xã hội rất đa dạng. Bất kỳ một hiện tượng xã hội nào, từ hiện tượng kinh tế đến hiện tượng tinh thần, đều chỉ có thể được hiểu đúng khi gắn với một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

Ngày nay, thực tiễn lịch sử và kiến thức về lịch sử của nhân loại đã có nhiều bổ sung và phát triển mới so với khi học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội ra đời. Tuy vậy, những cơ sở khoa học mà quan niệm duy vật lịch sử đã đem đến cho khoa học xã hội thì vẫn giữ nguyên giá trị.

2. Sự vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội

Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội không chỉ xác định các yếu tố cấu thành hình thái kinh tế - xã hội, mà còn xem xét xã hội trong quá trình biến đổi và phát triển không ngừng.

C.Mác viết: "Tôi coi sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên"¹.

Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất cùng với cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là những yếu tố hợp thành không thể thiếu được của hình thái kinh tế - xã hội, đồng thời cũng coi mối quan hệ biện chứng trong quá trình vận động của các yếu tố đó chính là những quy luật phát

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.21.

triển của các hình thái kinh tế - xã hội với tư cách là quá trình lịch sử - tự nhiên.

Mỗi hình thái kinh tế - xã hội được coi như một cơ thể xã hội phát triển theo những quy luật vốn có của nó, một cơ thể xã hội riêng biệt, có những quy luật riêng về sự ra đời, về hoạt động và bước chuyển của nó lên hình thức cao hơn, tức là biến thành một cơ thể xã hội khác.

Như vậy, quá trình "lịch sử - tự nhiên" có nghĩa là: Con người làm ra lịch sử của mình, họ tạo ra những quan hệ xã hội của mình, đó là xã hội. Nhưng xã hội vận động theo quy luật khách quan không phụ thuộc vào ý muốn con người. Các phương thức sản xuất: châu Á, cổ đại, phong kiến và tư sản hiện đại là những thời đại tiến triển dần dần của các hình thái kinh tế - xã hội. Mỗi hình thái kinh tế - xã hội được coi như một cơ thể xã hội phát triển theo quy luật vốn có của nó. Sự thay thế kế tiếp nhau của các hình thái kinh tế - xã hội: Xã hội cộng sản nguyên thủy được thay thế bằng xã hội chiếm hữu nô lệ, xã hội chiếm hữu nô lệ được thay thế bằng xã hội phong kiến, xã hội phong kiến được thay thế bằng xã hội tư bản chủ nghĩa, v.v., là quá trình tiến hóa bao hàm những bước nhảy vọt đã tạo nên sự tiến bộ trong lịch sử loài người.

Sự thay thế một hình thái kinh tế - xã hội này bằng một hình thái kinh tế - xã hội khác thường được thực hiện thông qua cách mạng xã hội. Nguyên nhân sâu xa của các cuộc cách mạng đó là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, khi quan hệ sản xuất trở thành xiềng

xích của lực lượng sản xuất. Trong những thời kỳ cách mạng, khi cơ sở kinh tế thay đổi thì sớm hay muộn toàn bộ kiến trúc thượng tầng đồ sộ cũng phải thay đổi theo.

Như vậy, nếu xem xét ở phạm vi lịch sử toàn nhân loại thì lịch sử xã hội loài người đã phát triển qua một số hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Song, do đặc điểm về lịch sử, về không gian và thời gian, không phải quốc gia nào cũng phải trải qua tất cả các hình thái kinh tế - xã hội có tính tuần tự từ thấp đến cao theo một sơ đồ chung. Thực tế lịch sử chứng tỏ có nhiều quốc gia trong những điều kiện lịch sử nhất định đã phát triển tuần tự qua các hình thái kinh tế - xã hội, đồng thời một số quốc gia khác lại phát triển theo con đường bỏ qua một hoặc vài hình thái kinh tế - xã hội nào đó.

Dựa vào những thực tế lịch sử như vậy, có thể khẳng định về khả năng "phát triển rút ngắn". Do đó, trong những điều kiện nhất định, con đường phát triển của các dân tộc tiên tư bản chủ nghĩa không nhất thiết phải diễn ra một cách tuần tự như lịch sử sinh thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản mà các nước tư bản đã từng trải qua.

Quy luật kế thừa của lịch sử loài người luôn luôn cho phép cộng đồng nào đó, trong những điều kiện nhất định, do tác động của các nhân tố, các mâu thuẫn bên trong và bên ngoài, có thể bỏ qua giai đoạn phát triển nhất định để vươn tới trình độ tiên tiến của nhân loại. Trong lịch sử thường xuất hiện những trung tâm phát triển cao hơn về sản xuất vật chất, về kỹ thuật, về văn hóa, chính trị. Sự

giao lưu, hợp tác với các trung tâm đó và những nhân tố khác làm xuất hiện khả năng một số nước đi sau có thể rút ngắn tiến trình lịch sử mà không phải lập lại tuần tự các quá trình đã qua của lịch sử nhân loại.

Trong thời đại ngày nay, chủ trương phát triển rút ngắn để đi lên chủ nghĩa xã hội ở một số các quốc gia tiên tư bản chủ nghĩa chẳng những không mâu thuẫn với tinh thần của sự phát triển mang tính lịch sử - tự nhiên, mà còn là biểu hiện sinh động của quá trình lịch sử - tự nhiên ấy. Chỉ khi người ta "rút ngắn" một cách duy ý chí, bất chấp quy luật thì lúc đó sự phát triển rút ngắn mới trở nên đối lập với quá trình lịch sử - tự nhiên.

Như vậy, *quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển xã hội chẳng những diễn ra bằng con đường phát triển tuần tự mà còn bao hàm cả sự bỏ qua trong những điều kiện lịch sử nhất định, một hoặc một vài hình thái kinh tế - xã hội nhất định.*

Trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, Việt Nam là một quốc gia chưa trải qua thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa. Đối với nước ta *quá độ trực tiếp để đi lên chủ nghĩa xã hội* là không có khả năng. Bởi vậy, con đường phát triển *rút ngắn* hay gọi theo cách của V.I.Lênin, phát triển *không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa* (theo logic nội tại của sự phát triển của xã hội Việt Nam) là con đường hiện thực.

Ở Việt Nam hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đã có đủ kinh nghiệm và bản lĩnh trong việc tranh thủ sự giao lưu,

hợp tác quốc tế để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chúng ta có một điều kiện quốc tế vô cùng quan trọng, đó là cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. Cuộc cách mạng này vừa đặt ra những thách thức không nhỏ, song lại tạo ra những thuận lợi đáng kể cho sự phát triển của đất nước. Đó là những điều kiện rất đặc biệt mà việc tận dụng nó sẽ tạo ra những cơ sở hiện thực cho sự phát triển rút ngắn.

Đảng Cộng sản Việt Nam là một nhân tố có vai trò quyết định đối với việc đẩy nhanh sự phát triển của đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Chúng ta có cơ sở khoa học để tin tưởng rằng, con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta là con đường hợp quy luật và có khả năng thực hiện.

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, trong lịch sử loài người tuần tự xuất hiện năm hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao:

- Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy (công xã nguyên thủy);

- Hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ;

- Hình thái kinh tế - xã hội phong kiến;

- Hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa;

- Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ra đời và phát triển qua các giai đoạn từ trình độ thấp lên trình độ cao hơn. Đó là:

- "Giai đoạn thấp của xã hội cộng sản" hay "giai đoạn đầu của xã hội cộng sản" (sau gọi giai đoạn này là "chủ nghĩa xã hội" hay "xã hội xã hội chủ nghĩa").

- "Giai đoạn cao hơn của xã hội cộng sản" (sau này gọi là "chủ nghĩa cộng sản" hay "xã hội cộng sản chủ nghĩa").

- "Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia,... một thời kỳ quá độ chính trị,... chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản", và đó là "những cơn đau đẻ kéo dài".

V.I. Lênin cũng nêu lại gồm:

- Những cơn đau đẻ kéo dài (tức là thời kỳ quá độ).

- Giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

- Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa. Ông cho rằng: "giai đoạn thấp" là xã hội xã hội chủ nghĩa (hay chủ nghĩa xã hội); "giai đoạn cao" là xã hội cộng sản chủ nghĩa (hay chủ nghĩa cộng sản), đặc biệt là phát triển lý luận về "thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội".